

Số: 1081/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 30 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:  
Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 18/TT-BXD, ngày 30 /6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Báo cáo số 7059/BC-BKHĐT, ngày 01/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm B;

Căn cứ Công văn số 73/HĐND-VP, ngày 28/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức;

Xét Thông báo quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1258/SGTVT-CLCT, ngày 06 tháng 6 năm 2017 và đề nghị của Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức (Chủ đầu tư) tại Tờ trình số 87/TTr-DA, ngày 07/6/2017;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.
- 2. Cơ quan quyết định đầu tư:** UBND tỉnh Đắk Nông.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức.

*h*

**4. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng là Công ty CP Tư vấn đầu tư XDCT1-ECC1.

**5. Chủ nhiệm lập dự án:** Ông Nguyễn Văn Liên có chứng chính hành nghề của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm thiết kế.

#### **6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

- Dự án được đầu tư đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa trong khu vực dự án từ trung tâm huyện Tuy Đức đến trung tâm xã Đăk Ngo hiện tại, đồng thời nối với Tiểu khu 1535 (Khu vực dự kiến đặt trung tâm xã mới sau khi chia tách xã Đăk Ngo hiện tại); góp phần đảm bảo trật tự an ninh trên địa bàn.

- Dự án được đầu tư sẽ là tuyến giao thông chính, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, thúc đẩy trao đổi hàng hóa, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa ở khu vực dự án; góp phần nâng cao đời sống và thu nhập của đồng bào dân tộc trong vùng; tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu văn hóa của các dân tộc trong xã Đăk Ngo với trung tâm văn hóa chính trị của huyện.

#### **7. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng:**

##### **7.1 Nội dung hồ sơ dự án:**

##### **7.1.1 Bình đồ:**

**a) Trục 1, trục 2:** Tuyến được thiết kế cơ bản bám theo tìm đường hiện hữu đang khai thác sử dụng, chỉ điều chỉnh cục bộ một số đoạn, nhằm đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường và phù hợp với điều kiện địa hình khu vực. Tuyến được thiết kế với 197 lần chuyển hướng (*trục 1 thiết kế với 168 lần chuyển hướng, trục 2 thiết kế với 29 lần chuyển hướng*), bán kính đường cong nằm nhỏ nhất Trục 1,  $R_{\min} \geq 30m$ ; Trục 2,  $R_{\min} \geq 30m$  đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của cấp đường.

- Trục 1 có tổng chiều dài 22,279Km; điểm đầu trục 1 là Km0+00, tại ngã 3 giao với đường vào thác Đăk G'lun thuộc xã Quảng Tâm, cách Tỉnh lộ 1: 2,9Km; điểm cuối là Km22+279, tại ngã 3 Bon Đêng Đu;

- Trục 2 có tổng chiều dài 3,550Km; điểm đầu trục 2 là Km0+00, tại ngã 3 Đông Dương giao với trục 1 tại Km20+790; điểm cuối là Km3+550 nối vào đầu cầu Đăk Ngo thuộc địa phận xã Đăk Ngo.

**b) Trục 3:** Tuyến được thiết kế cơ bản bám theo đường mòn hiện có và triển khai theo đường đồng mức nhằm giảm độ dốc dọc, phù hợp với điều kiện địa hình, giảm kinh phí đầu tư và đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường. Tuyến được thiết kế với 60 lần chuyển hướng, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất  $R_{\min} \geq 30m$ , đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của cấp đường.

- Trục 3 với tổng chiều dài 10,264Km; điểm đầu trục 3 là Km0+00, tại ngã 3 Bon Đêng Đu giao với Trục 1 tại Km22+279,79 (điểm cuối trục 01); điểm cuối tại Km10+264 (điểm dự kiến quy hoạch điểm bố trí ổn định dân cư tự do thuộc Tiểu khu 1553 xã Quảng Trục).

### 7.1.2. Trắc dọc:

a) **Trục 1, Trục 2:** Được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường bao và kết hợp với đường cắt, đào đắp xen kẽ nhằm tận dụng một số đoạn nền đường cũ, để giảm kinh phí đầu tư và cải tạo độ dốc dọc,  $i_{\max} \leq 11\%$ , đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

b) **Trục 3:** Được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường cắt và kết hợp với đường bao nhằm cải tạo độ dốc dọc,  $i_{\max} \leq 13\%$ , đào đắp xen kẽ để giảm kinh phí đầu tư và đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

### 7.1.3. Trắc ngang nền đường:

#### a) Trục 1, trục 2:

- Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 6,5m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 1,5m x 2 bên=3,0m;

- Độ dốc ngang mặt đường đá dăm láng nhựa  $i_m = 3,0\%$ ; độ dốc ngang lề đường  $i_{l\grave{e}} = 4,0\%$ ;

- Độ dốc siêu cao lớn nhất  $i_{sc} \leq 6\%$ ;

- Độ dốc mái ta luy nền đường đào 1/1; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5.

#### b) Trục 3:

Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 5,0m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 0,75m x 2 bên=1,5m;

- Độ dốc ngang mặt đường đá dăm láng nhựa  $i_m = 3,0\%$ ; độ dốc ngang lề đường  $i_{l\grave{e}} = 4,0\%$ ;

- Độ dốc siêu cao lớn nhất  $i_{sc} \leq 6\%$ ;

- Độ dốc mái ta luy nền đường đào 1/1; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5.

### 7.1.4. Kết cấu áo đường:

7.1.4.1. **Kết cấu áo đường trục 1, trục 2:** Thứ tự các lớp tính từ trên xuống dưới như sau:

+ Mặt đường đá dăm tiêu chuẩn, dày 14cm; trên láng nhựa 3 lớp TCN 4,5Kg/m<sup>2</sup>, dày trung bình 3,5cm;

+ Móng đường đá dăm tiêu chuẩn, dày 14cm.

7.1.4.2. **Kết cấu áo đường trục 3:** Thứ tự các lớp tính từ trên xuống dưới như sau:

+ Mặt đường đá dăm tiêu chuẩn, dày 12cm; trên láng nhựa 3 lớp TCN 4,5Kg/m<sup>2</sup>, dày trung bình 3,5cm;

+ Móng đường đá dăm tiêu chuẩn, dày 12cm.

### 7.1.4.3. Lề đường:

- Đối với các đoạn có độ dốc  $i_d < 6\%$ : Đắp bằng đất cấp phối tự nhiên, lu lèn chặt  $K_{yc} \geq 0,95$ ; độ dốc ngang hoàn thiện là 4%;

- Đối với có độ dốc  $i_d \geq 6\%$  (các đoạn rãnh dọc gia cố bằng tấm đan bê tông xi măng): Gia cố bề mặt có kết cấu cùng kết cấu mặt đường.

#### **7.1.4.4. Nền đường:**

+ Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,95$  tính từ đáy áo đường trở xuống 50cm; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,93$ ;

+ Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Lu xử lý nền đường đào đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,95$  tính từ đáy áo đường trở xuống 30cm.

#### **7.1.5. Rãnh và công thoát nước:**

##### **7.1.5.1. Rãnh thoát nước:**

- Đối với các đoạn có  $i_d < 6\%$ , rãnh đào trần hình thang, đáy rộng 40cm, sâu 50cm; độ dốc mái taluy trong nền đường 1/1,5; độ dốc mái taluy ngoài nền đường 1/1;

- Đối với các đoạn có  $i_d \geq 6\%$  và các đoạn đi qua khu đông dân cư, gia cố rãnh lát tấm đan bằng BTXM đá 1x2 M200, đáy rãnh bằng BTXM đá 1x2 M150, kích thước tấm (50x57x7)cm, độ dốc mái taluy trong 1/1; độ dốc mái taluy ngoài 1/1.

##### **7.1.5.2. Công thoát nước:**

**a) Công tròn:** Thiết kế có khẩu độ thoát nước  $\Phi(80 \div 150)$ cm, kết cấu móng công, sân công, chân khay, tường đầu, tường cánh bằng BTXM đá 2x4 M150; ống công bằng BTCT đá 1x2 M200;

**b) Công hộp 3x(300x300)cm:** Kết cấu móng công, sân công, chân khay, tường đầu, tường cánh bằng BTXM đá 2x4 M150; thân công bằng BTCT đá 1x2 M300;

- Gia cố mái taluy bằng tấm ốp bê tông đá 1x2 M200, kích thước (50x50x10)cm; chân khay kích thước 40x80cm bằng BTXM đá 2x4 M150.

##### **c) Trần liên hợp công hộp 5x(300x300)cm:**

- Đường trần có chiều dài  $L=104$ m;

- Mục nước cho xe lưu thông qua trần là 0,3m;

- Kết cấu móng công, sân công, chân khay, tường đầu, tường cánh bằng BTXM đá 2x4 M150; thân công bằng BTCT đá 1x2 M300;

- Bề rộng mặt trần:  $B = 6,0 + 0,2 + 0,2 = 6,4$ m;

- Kết cấu mặt trần:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300, dày 20cm;

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống co ngót;

+ Móng đá dăm loại I  $D_{max} 25$ , dày 18cm.

- Gia cố mái ta luy bằng BTXM đá 2x4 M150 dày 15cm trên lớp giấy dầu tạo phẳng và chống co ngót.

**7.1.6. Gia cố mái taluy:** Đối với các đoạn nền đường đắp cao ( $h \geq 4m$ ), thiết kế gia cố mái taluy bằng tấm ốp bê tông đá 1x2 M200, kích thước (50x50x10)cm; chân khay kích thước 40x80cm bằng BTXM đá 2x4 M150.

**7.1.7. Hệ thống an toàn giao thông:** Hệ thống cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan v.v... thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

**7.2 Quy mô đầu tư xây dựng:** Tổng chiều dài các đoạn tuyến được thiết kế là 36,076Km, bao gồm 03 trục: Trục 01 dài 22,279Km; trục 02 dài 3,55Km; trục 03 dài 10,246Km.

**a) Trục 1, Trục 2:** Thiết kế với quy mô đường cấp V - miền núi;

- Tải trọng trục thiết kế đối với mặt đường: 10T;

- Công trình cầu, cống: Quy mô vĩnh cửu, tải trọng thiết kế 0,65HL93;

- Tần suất thiết kế cầu và cống thoát nước:  $p = 4\%$ ;

- Vận tốc thiết kế :  $V = 30 \text{ Km/h}$ ;

- Chiều rộng nền đường :  $B_{\text{nền}} = 6,5m$ , trong đó:

+ Mặt đường rộng : 3,5m;

+ Lê đường rộng :  $1,5m \times 2\text{bên} = 3,0m$ .

- Kết cấu áo đường: Mặt đường cấp cao thứ yếu A2, mô đun đàn hồi yêu cầu của kết cấu áo đường  $E_{\text{yc}} \geq 96,5\text{Mpa}$ .

**b) Trục 3:** Thiết kế với quy mô đường giao thông nông thôn loại B;

- Tải trọng trục thiết kế đối với mặt đường: 10T;

- Công trình cầu, cống: Quy mô vĩnh cửu, tải trọng thiết kế 0,65HL93;

- Tần suất thiết kế cầu và cống thoát nước:  $p = 10\%$ ;

- Vận tốc thiết kế :  $V = 20 \text{ Km/h}$ ;

- Chiều rộng nền đường :  $B_{\text{nền}} = 5m$ , trong đó:

+ Mặt đường rộng : 3,5m;

+ Lê đường rộng :  $0,75m \times 2\text{bên} = 1,5m$ .

- Kết cấu áo đường: Mặt đường cấp cao thứ yếu A2, mô đun đàn hồi yêu cầu của kết cấu áo đường  $E_{\text{yc}} \geq 80\text{Mpa}$ .

**8. Địa điểm xây dựng:** Xã Quảng Tâm và xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

**9. Diện tích sử dụng đất:** Diện tích đất cần mở rộng để đảm bảo chiều rộng nền đường, các vị trí nút giao, nấn chỉnh tuyến là 10,7 ha.

**10. Loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;
- Loại công trình: Đường giao thông;
- Cấp công trình: Cấp IV.

**11. Số bước thiết kế:** 02 bước, gồm: Thiết kế cơ sở của dự án và thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

**12. Thời hạn sử dụng công trình:** 10 năm.

**13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:**

Dự án được thiết kế trên cơ sở đường cũ hiện có, chỉ giải phóng mặt bằng phạm vi mở rộng để đảm bảo chiều rộng nền đường, các vị trí nút giao, nắn chỉnh tuyến. Diện tích đất chiếm dụng mới là 10,7 ha.

**14. Tổng mức đầu tư của dự án:** 170.000.000.000 (Bằng chữ: một trăm bảy mươi tỷ đồng); Phân kỳ đầu tư thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 là 110.000.000.000 đồng; giai đoạn 2 là 60.000.000.000 đồng (thực hiện khi được Trung ương đồng ý bổ sung vốn).

Trong đó:

- |   |                       |
|---|-----------------------|
| - Chi phí xây dựng:                     | 126.996.276.000 đồng; |
| - Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư: | 6.630.084.000 đồng;   |
| - Chi phí quản lý dự án:                | 1.964.626.000 đồng;   |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:       | 10.588.679.000 đồng;  |
| - Chi phí khác:                         | 9.420.255.000 đồng;   |
| - Chi phí dự phòng:                     | 14.400.080.000 đồng.  |

**15. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách Trung ương hỗ trợ thuộc chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng (theo chủ trương đầu tư tại Công văn số: 74/HĐND-VP ngày 28/3/2017), trong đó:

**Giai đoạn 1:** Có tổng dự toán là 110 tỷ đồng và ưu tiên đầu tư hoàn thiện (theo nguyên tắc hoàn chỉnh, đồng bộ) nền, móng, mặt đường công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông các đoạn tuyến đi qua khu đông dân cư và các đoạn tuyến đi qua khu vực địa hình chia cắt, có độ dốc dọc lớn với tổng chiều dài là 17,659Km, cụ thể:

- Đầu tư hoàn thiện Trục 3 từ Km0+00 -:- Km10+264,15 với chiều dài là 10,264Km;

- Đầu tư các đoạn tuyến đi qua khu đông dân cư và các đoạn đi qua khu vực địa hình chia cắt, có độ dốc dọc lớn để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của Trục 01 bao gồm 05 đoạn sau: Km1+824,08 ÷ Km3+800; Km5+300 ÷ Km7+368; Km7+700 ÷ Km8+412; Km8+750,36 ÷ Km9+902; Km20+790,51 ÷ Km22+279,79 với chiều dài 7,395Km.

**Giai đoạn 2:** Có tổng dự toán là 60 tỷ đồng, đầu tư hoàn thiện các đoạn còn lại của Trục 1 và Trục 2 với tổng chiều dài là 18,417Km.

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**17. Thời gian thực hiện dự án:** Không vượt quá 5 năm kể từ khi dự án được cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn.

**Điều 2.** Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư, xây dựng đảm bảo chất lượng công trình, hiệu quả của dự án và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Giám đốc Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD (MNC).

+

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Hải**